

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2021

*V/v Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn

2. Ông Nguyễn Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 30/2021/TB-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1985

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Tùng, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Thôn XD, xã YT, huyện GL, Thành phố HN.

Cùng tạm trú: Ấp 4, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.

(Chị G và anh T có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc vào ngày 22-3-2018. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay mà không bàn việc đoàn tụ. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, chị không chung sống hòa hợp được với mẹ anh T. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Đức B, sinh ngày 29-10-2017 và Nguyễn Thùy C, sinh ngày 03-6-2020. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C, giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24-6-2021, bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G.

Về con chung: Anh đồng ý nuôi dưỡng cháu B, giao cháu C cho chị G nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đồng thời anh có đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh T. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 03-6-2020 cho chị G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 29-10-2017 cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị G và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị G và anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị G, anh T có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc vào ngày 22-3-2018. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị G: Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, chị G không chung sống hòa hợp được với mẹ anh T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị G, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G đối với anh T. Chị G được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đức B, sinh ngày 29-10-2017 và Nguyễn Thùy C, sinh ngày 03-6-2020. Anh chị thỏa thuận giao cho chị G có quyền nuôi dưỡng cháu C, anh T có quyền nuôi dưỡng cháu B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc G đối với anh Nguyễn Đức T. Chị G được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao cho chị G có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 03-6-2020.

Giao cho anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 29-10-2017. Ghi nhận chị G, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị G, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012999 ngày 31-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị G đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên